

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày 09-11-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Huỳnh Bá Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 22/TB-TA ngày 12/8/2021; Thông báo về việc tạm ngừng phiên tòa số 32/TB-TA ngày 16/9/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 37/TB-TA ngày 05/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-DS ngày 21/10/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BV**

Trụ sở: Tòa nhà HM town 412 đường N, phường 5, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Quyết định ủy quyền số 222/2020/UQ-PCTT ngày 12/6/2020; Giấy ủy quyền số 65/2021/ UQ-BVB ngày 01/3/2021):* Bà **Lê Thị Cẩm L** (có mặt).

Địa chỉ: 267-269 đường N, phường V, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

**- Bị đơn:** Bà **Mai Nữ Lan N**, Sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 23 đường H, Tổ 13, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP BV bà Lê Thị Cẩm L trình bày:*

Ngày 25/02/2019, bà Mai Nữ Lan N có ký với Ngân Hàng TMCP BV Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng và đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP BV, Ngân hàng đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án (Bà N ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 25/02/2019, được Ngân hàng chấp nhận vào ngày 27/02/2019 và thẻ có hiệu lực ngày 28/02/2019).

Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 200.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân cho bà N. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện 15 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 472.731.565 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 07 lần với tổng số tiền là: 333.100.000 đồng (thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 9 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP BV ). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP BV) bắt đầu giai đoạn quá hạn từ 11/02/2020, Ngân hàng chúng tôi đã khóa thẻ sử dụng của khách hàng.

Theo thỏa thuận hợp đồng, bà N vay theo hình thức tín chấp, thẻ có hiệu lực từ ngày 28/02/2019 đến 28/02/2022, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 23%/năm, thay đổi theo từng thời kỳ và phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán (tối thiểu 100.000 đồng).

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do bà N vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP BV nên chúng tôi khởi kiện buộc bà N phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền bà N đã giao dịch trong 15 lần, cụ thể như sau:

- + Ngày 06/03/2019: 200.000.000 đồng
- + Ngày 13/04/2019: 25.000.000 đồng
- + Ngày 25/06/2019: 20.000.000 đồng
- + Ngày 30/08/2019: 205.395.000 đồng
- + Ngày 24/09/2019: 950.000 đồng
- + Ngày 25/09/2019: 3.800.000 đồng
- + Ngày 26/09/2019: 3.023.665 đồng

- + Ngày 28/09/2019: 475.000 đồng
- + Ngày 01/11/2019: 2.088.900 đồng
- + Ngày 04/11/2019: 1.736.000 đồng
- + Ngày 06/11/2019: 95.000 đồng
- + Ngày 15/11/2019: 6.317.000 đồng
- + Ngày 16/11/2019: 2.160.000 đồng
- + Ngày 19/11/2019: 353.000 đồng
- + Ngày 23/11/2019: 1.338.000 đồng

Tổng cộng nợ gốc bà N đã vay thể hiện qua các giao dịch qua các lần là: 472.731.565 đồng.

Quá trình vay, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi và phí là: 333.100.000 đồng ( thanh toán từ 12/04/2019 đến 31/12/2019).

Tuy nhiên hiện nay chúng tôi điều chỉnh lại số tiền nợ gốc, lãi mà bà N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tính từ ngày 11/12/2019 đến ngày 09/11/2021 là: 331.570.005 đồng (bao gồm nợ gốc là số tiền mua hàng: 184.535.588 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 01/01/2020 đến 10/02/2021, lãi suất 28%/năm là:  $= 184.535.588 \times (28\%/365) \times 41 \text{ ngày} = 5.804.023$  đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 11/02/2020 đến là 09/11/2021 là: 141.230.394 đồng ( cụ thể là số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền gốc là: 184.535.588 đồng, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, từ ngày 11/02/2020 đến 21/06/2020, lãi trong hạn là 28%/năm nên số tiền lãi quá hạn là:  $= 184.535.588 \times (28\%/365) \times 150\% \times 132 \text{ ngày} = 28.029.186$  đồng , từ ngày 22/06/2020 đến ngày 09/11/2021 lãi suất trong hạn là 29%/năm, nên số tiền lãi quá hạn là:  $= 184.535.588 \times (29.5\%/365) \times 150\% \times 506 \text{ ngày} = 113.201.208$  đồng).

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP BV khởi kiện yêu cầu bà Mai Nữ Lan N phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 23/02/2021 số tiền là: 358.111.196 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu, một trăm mười một nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 184.535.588 đồng, nợ lãi là: 83.604.027 đồng, nợ phí là: 89.971.581 đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà N tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh kể từ ngày 24/02/2021 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP BV.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử ngày 09/11/2021 thì số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu bà N phải thanh toán được điều chỉnh lại cụ thể như sau: Nợ gốc: 184.535.588 đồng, nợ lãi trong hạn

là 5.804.023 đồng, lãi quá hạn là 141.230.394 đồng. Tổng cộng nợ gốc; lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu bà N phải thanh toán là: 331.570.005 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP BV kính đề nghị Tòa án buộc bà Mai Nữ Lan N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử 09/11/2021 là: 331.570.005 đồng và tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 10/11/2021 cho đến khi trả hết nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP BV.

*\*Bị đơn bà Mai Nữ Lan N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để bà N trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay bà N vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Mai Nữ Lan N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Mai Nữ Lan N.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP BV yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Mai Nữ Lan N phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 23/02/2021 là: 358.111.196 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu, một trăm mười một nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 184.535.588 đồng, nợ lãi là: 83.604.027 đồng, nợ phí là: 89.971.581 đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà N tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh kể từ ngày 24/02/2021 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ cho Ngân hàng TMCP BV.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn mà Ngân hàng TMCP BV yêu cầu bà Mai Nữ Lan N phải thanh toán tính đến ngày xét xử 09/11/2021 được điều chỉnh cụ thể: Nợ gốc là 184.535.588 đồng, nợ lãi trong hạn được tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/02/2020 là 5.804.023 đồng, lãi quá hạn là 141.230.394 đồng được tính từ

ngày 11/02/2020 đến ngày xét xử 09/11/2021. Tổng cộng nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán là: 331.570.005 đồng.

HDXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Mai Nữ Lan N đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án theo triệu tập do vậy bà N không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào ngày 25/02/2019, bà Mai Nữ Lan N có ký với Ngân Hàng TMCP BV Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng và đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP BV (Bà N ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 25/02/2019, được Ngân hàng chấp nhận vào ngày 27/02/2019 và thẻ có hiệu lực ngày 28/02/2019). Theo thỏa thuận hợp đồng, bà N vay theo hình thức tín chấp, thẻ có hiệu lực từ ngày 28/02/2019 đến 28/02/2022, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 23%/năm, thay đổi theo từng thời kỳ và phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán.

Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 200.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân cho bà N. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện 15 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 472.731.565 đồng. Tổng cộng nợ gốc bà N đã vay thể hiện qua các lần giao dịch là: 472.731.565 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 07 lần với tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi và phí là: 333.100.000 đồng (thanh toán từ 12/04/2019 đến 31/12/2019); thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 9 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP BV. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP BV ) bắt đầu quá hạn từ 11/02/2020, nên Ngân hàng đã khóa thẻ của bà N.

Do bà Mai Nữ Lan N vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Hợp đồng các bên đã ký kết nên việc Ngân hàng TMCP BV chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu bà N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP BV khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Mai Nữ Lan N phải thanh toán tính đến ngày xét xử 09/11/2021 được điều chỉnh lại cụ thể: Nợ gốc là

184.535.588 đồng, nợ lãi trong hạn được tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/02/2020 là 5.804.023 đồng, lãi quá hạn là 141.230.394 đồng được tính từ ngày 11/02/2020 đến ngày xét xử 09/11/2021. Tổng cộng nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu bà N phải thanh toán là: 331.570.005 đồng.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BV, buộc bà Mai Nữ Lan N phải trả cho Ngân hàng TMCP BV số tiền **331.570.005** đồng (trong đó nợ gốc là 184.535.588 đồng, nợ lãi trong hạn được tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/02/2020 là 5.804.023 đồng, nợ lãi quá hạn là 141.230.394 đồng được tính từ ngày 11/02/2020 đến ngày xét xử 09/11/2021) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 10/11/2021, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa bà Mai Nữ Lan N với Ngân hàng TMCP BV cho đến khi bà N thanh toán xong khoản nợ gốc. (Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng được bà N ký ngày 25/02/2019, được Ngân hàng chấp nhận vào ngày 27/02/2019 và thẻ có hiệu lực ngày 28/02/2019).

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm bà N phải chịu là 16.578.500đ (Mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 8.952.780đ cho Ngân hàng TMCP BV.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* - Điều 357, 428, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;  
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;  
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019  
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BV đối với bà Mai Nữ Lan N về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Mai Nữ Lan N phải trả cho Ngân hàng TMCP BV số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn đến ngày xét xử 09/11/2021 là **331.570.005** đồng (Ba trăm ba mươi một triệu, năm trăm bảy mươi ngàn, không trăm lẻ năm đồng). Trong

đó nợ gốc 184.535.588 đồng, nợ lãi trong hạn được tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/02/2020 là 5.804.023 đồng, nợ lãi quá hạn được tính từ ngày 11/02/2020 đến ngày xét xử 09/11/2021 là 141.230.394 đồng.

Kể từ ngày 10/11/2021, bà Mai Nữ Lan N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phí mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa bà Mai Nữ Lan N với Ngân hàng TMCP BV cho đến khi bà N thanh toán xong khoản nợ gốc.

## II. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Mai Nữ Lan N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.578.500đ (Mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP BV số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 8.952.780đ ( Tám triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007229 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà Mai Nữ Lan N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

## **Nơi nhận:**

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**

